

Số: /QĐ-UBND

Quảng Nam, ngày tháng năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy định về trình tự, trách nhiệm lập, thẩm định, trình phê duyệt dự án đầu tư, hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng vốn ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Quảng Nam

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NAM

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 29/11/2024;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25/6/2015;

Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng tài sản công ngày 21/6/2017;

Căn cứ Nghị định số 85/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ về bảo đảm an toàn hệ thống thông tin theo cấp độ;

Căn cứ Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công; Nghị định 114/2024/NĐ-CP ngày 15/9/2024 về sửa đổi, bổ sung một số điều của nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của luật quản lý, sử dụng tài sản công;

Căn cứ Nghị định số 73/2019/NĐ-CP ngày 05/9/2019 của Chính phủ quy định quản lý đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 82/2024/NĐ-CP ngày 10/7/2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của nghị định số 73/2019/NĐ-CP ngày 05/9/2019 của Chính phủ quy định quản lý đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 138/2024/NĐ-CP ngày 24/10/2024 của Chính phủ quy định việc lập dự toán, quản lý, sử dụng chi thường xuyên ngân sách nhà nước để mua sắm tài sản, trang thiết bị; cải tạo, nâng cấp, mở rộng, xây dựng mới hạng mục công trình trong các dự án đã đầu tư xây dựng;

Căn cứ Thông tư 12/2022/TT-BTTTT ngày 12/8/2022 của Bộ Thông tin và Truyền thông về quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Nghị định số

85/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ về bảo đảm an toàn hệ thống thông tin theo cấp độ;

Căn cứ Thông tư số 16/2024/TT-BTTTT ngày 30/12/2024 của Bộ Thông tin và Truyền thông Quy định chi tiết nội dung công tác triển khai, giám sát công tác triển khai, nghiệm thu đối với dự án đầu tư ứng dụng CNTT; xác định yêu cầu về chất lượng dịch vụ và các nội dung đặc thù của hợp đồng thuê dịch vụ đối với thuê dịch vụ CNTT theo yêu cầu riêng;

Căn cứ Thông tư số 18/2024/TT-BTTTT ngày 30/12/2024 của Bộ Thông tin và Truyền thông Quy định lập và quản lý chi phí đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin, thuê dịch vụ công nghệ thông tin sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước;

Căn cứ Công văn số 1276/BTTTT-CĐSQG ngày 09/4/2024 của Bộ Thông tin và Truyền thông về thực hiện các bước chuẩn bị đối với hoạt động ứng dụng CNTT sử dụng kinh phí chi thường xuyên nguồn vốn ngân sách nhà nước;

Căn cứ Nghị quyết số 03/2019/NQ-HĐND ngày 12/7/2019 của HĐND tỉnh về phân cấp quản lý, sử dụng tài sản công của cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Quảng Nam; Nghị quyết số 02/2024/NQHĐND ngày 23/01/2024 của HĐND tỉnh về sửa đổi, bổ sung và bãi bỏ một số điều Quy định về phân cấp quản lý, sử dụng tài sản công của cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Quảng Nam ban hành kèm theo Nghị quyết số 03/2019/NQ-HĐND ngày 12/7/2019 của HĐND tỉnh;

Căn cứ Nghị quyết số 30/2024/NQ-HĐND ngày 06/12/2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quy định thẩm quyền quyết định việc đầu tư, mua sắm các hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin, hoạt động thuê dịch vụ công nghệ thông tin sử dụng kinh phí chi thường xuyên nguồn vốn ngân sách nhà nước thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Quảng Nam;

Căn cứ Nghị quyết số 31/2024/NQ-HĐND ngày 06/12/2024 của HĐND tỉnh quy định thẩm quyền quyết định phê duyệt nhiệm vụ và dự toán kinh phí mua sắm tài sản, trang thiết bị; phân cấp thẩm quyền quyết định phê duyệt nhiệm vụ và dự toán kinh phí thực hiện nhiệm vụ cải tạo, nâng cấp, mở rộng, xây dựng mới hạng mục công trình trong các dự án đã đầu tư xây dựng của các cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Quảng Nam;

Căn cứ Quyết định số 15/2019/QĐ-UBND ngày 18/9/2019 của UBND tỉnh ban hành quy định về phân cấp quản lý, sử dụng và khai thác tài sản công của cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Quảng Nam; Quyết định số 243/QĐ-UBND ngày 31/01/2024 của UBND tỉnh triển khai Nghị quyết số 02/2024/NQ-HĐND ngày 23/01/2024 của HĐND tỉnh sửa đổi, bổ sung và bãi bỏ một số điều Quy định về phân cấp quản lý, sử dụng tài sản công của cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Quảng Nam ban hành kèm theo Nghị

quyết số 03/2019/NQ-HĐND ngày 12/7/2019 của HĐND tỉnh;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Thông tin và Truyền thông tại Tờ trình số 25/TTr-STTTT ngày 17/01/2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định về trình tự, trách nhiệm lập, thẩm định, trình phê duyệt dự án đầu tư, hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin (CNTT) sử dụng vốn ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Quảng Nam.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký; bãi bỏ Quyết định số 1548/QĐ-UBND ngày 26/6/2024 của UBND tỉnh ban hành Quy định về trình tự, trách nhiệm lập, thẩm định, trình phê duyệt dự án đầu tư, hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng vốn ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Quảng Nam.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc Sở Thông tin và Truyền thông; Thủ trưởng các Sở, Ban, ngành của tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố; Chủ tịch UBND các xã, phường, thị trấn và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Bộ Thông tin và Truyền thông;
- TTTU, TT HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Các Sở, Ban, ngành;
- UBND các huyện, thành phố;
- Các tổ chức đoàn thể tỉnh;
- Đài PTTH, Báo Quảng Nam;
- Cổng Thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT, KGVX (H).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Hồ Quang Bửu

QUY ĐỊNH

Về trình tự, trách nhiệm lập, thẩm định, trình phê duyệt dự án đầu tư, hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng vốn ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /01/2025 của UBND tỉnh Quảng Nam)

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quyết định này quy định về trình tự, trách nhiệm lập, thẩm định, trình phê duyệt dự án đầu tư, hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin (CNTT) sử dụng vốn ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Quảng Nam theo quy định tại Nghị định số 73/2019/NĐ-CP ngày 05 tháng 9 năm 2019 của Chính phủ quy định quản lý đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước (gọi tắt là Nghị định số 73/2019/NĐ-CP), được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 82/2024/NĐ-CP ngày 10 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ (gọi tắt là Nghị định số 82/2024/NĐ-CP).

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Cơ quan Đảng Cộng sản Việt Nam, cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị - xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp.

2. Các cơ quan, tổ chức, cá nhân, đơn vị liên quan khác trên địa bàn tỉnh Quảng Nam sử dụng kinh phí chi thường xuyên thuộc phạm vi quản lý của tỉnh.

Chương II

DỰ ÁN ĐẦU TƯ ỨNG DỤNG CNTT SỬ DỤNG KINH PHÍ CHI ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NGUỒN VỐN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

Điều 3. Thử nghiệm sản phẩm chưa sẵn có trên thị trường

Trình tự, nội dung đề xuất thử nghiệm, thẩm quyền quyết định, quy trình triển khai thử nghiệm thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 6 Nghị định số 73/2019/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 6 Điều 1 Nghị định số 82/2024/NĐ-CP).

Sau khi thử nghiệm thành công, xác định được giải pháp kỹ thuật, công nghệ, chi phí, chủ đầu tư tiến hành các thủ tục đầu tư theo quy định.

Điều 4. Các bước thiết kế

Đơn vị được giao chủ đầu tư dự án xác định các bước thiết kế, trình cấp có thẩm quyền quyết định đầu tư quyết định thiết kế 01 bước hoặc 02 bước bảo đảm

hiệu quả quản lý thực hiện dự án.

Việc xác định các bước thiết kế, quyết định thiết kế 01 bước hay 02 bước có thể được phê duyệt tại quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư dự án.

Điều 5. Trình tự lập, thẩm định, phê duyệt dự án ứng dụng CNTT

Dự án đầu tư ứng dụng CNTT sử dụng kinh phí chi đầu tư phát triển nguồn vốn ngân sách nhà nước thực hiện theo quy định của Luật Đầu tư công và các quy định hiện hành. Các quy định về quản lý chi phí, quản lý chất lượng tại Mục 2 Chương II Nghị định số 73/2019/NĐ-CP (sửa đổi bởi Nghị định số 82/2024/NĐ-CP), chi tiết một số nội dung như sau:

1. Đối với Dự án thiết kế 01 bước (Báo cáo kinh tế - kỹ thuật): thực hiện theo Điều 10, Điều 22 Nghị định số 73/2019/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 9 và khoản 17 Điều 1 Nghị định số 82/2024/NĐ-CP):

a) Lập Báo cáo kinh tế - kỹ thuật: chủ đầu tư tổ chức lập Báo cáo kinh tế - kỹ thuật; nội dung của Báo cáo kinh tế - kỹ thuật theo khoản 1 Điều 22 Nghị định số 73/2019/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 17 Điều 1 Nghị định số 82/2024/NĐ-CP).

b) Thẩm định, phê duyệt Báo cáo kinh tế - kỹ thuật

- Đối với các dự án thuộc thẩm quyền quyết định đầu tư của Chủ tịch UBND tỉnh: đơn vị đầu mối thẩm định dự án là Sở Kế hoạch và Đầu tư;

- Đối với các dự án thuộc thẩm quyền quyết định đầu tư của Chủ tịch UBND cấp huyện: đơn vị đầu mối thẩm định dự án là Phòng Tài chính - Kế hoạch các huyện, thị xã, thành phố;

- Đơn vị đầu mối thẩm định dự án (*Sở Kế hoạch và Đầu tư/Phòng Tài chính - Kế hoạch*) có trách nhiệm: gửi hồ sơ thiết kế chi tiết lấy ý kiến thẩm định của Sở Thông tin và Truyền thông (*trừ trường hợp Sở Thông tin và Truyền thông là chủ đầu tư*); lấy ý kiến các cơ quan, đơn vị liên quan để thẩm định dự án (*nếu cần*);

- Sở Thông tin và Truyền thông thẩm định thiết kế chi tiết đối với dự án do Chủ tịch UBND các cấp quyết định đầu tư, trừ các dự án có thiết kế chi tiết thuộc thẩm quyền thẩm định của Bộ Thông tin và Truyền thông;

- Trong trường hợp Sở Thông tin và Truyền thông đồng thời là chủ đầu tư, Sở Thông tin và Truyền thông thành lập Hội đồng thẩm định để thẩm định thiết kế chi tiết;

2. Đối với Dự án thiết kế 02 bước: (*Báo cáo nghiên cứu khả thi*)

a) Lập Báo cáo nghiên cứu khả thi dự án: Chủ đầu tư tổ chức lập Báo cáo nghiên cứu khả thi dự án; nội dung của Báo cáo nghiên cứu khả thi dự án thực hiện theo Điều 16, Điều 19 Nghị định số 73/2019/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 8 và khoản 14 Điều 1 Nghị định số 82/2024/NĐ-CP).

b) Thẩm định, phê duyệt dự án

- Các dự án thuộc thẩm quyền quyết định đầu tư của Chủ tịch UBND tỉnh: đơn vị đầu mối thẩm định dự án là Sở Kế hoạch và Đầu tư.

- Các dự án thuộc thẩm quyền quyết định đầu tư của Chủ tịch UBND cấp huyện: đơn vị đầu mối thẩm định dự án là phòng Tài chính - Kế hoạch.

- Đơn vị đầu mối thẩm định dự án (*Sở Kế hoạch và Đầu tư/ Phòng Tài chính - Kế hoạch*) có trách nhiệm: gửi hồ sơ thiết kế cơ sở lấy ý kiến thẩm định của Sở Thông tin và Truyền thông (*trừ trường hợp chủ đầu tư đồng thời là Sở Thông tin và Truyền thông*); lấy ý kiến các cơ quan, đơn vị liên quan để thẩm định dự án (*nếu cần*).

- Sở Thông tin và Truyền thông thẩm định thiết kế cơ sở đối với dự án do Chủ tịch UBND các cấp quyết định đầu tư, trừ các dự án có thiết kế cơ sở thuộc thẩm quyền thẩm định của Bộ Thông tin và Truyền thông.

- Trong trường hợp Sở Thông tin và Truyền thông đồng thời là chủ đầu tư, Sở Thông tin và Truyền thông thành lập Hội đồng thẩm định để thẩm định thiết kế cơ sở.

c) Về thẩm định và phê duyệt thiết kế chi tiết và dự toán: Chủ đầu tư tổ chức thẩm định và phê duyệt thiết kế chi tiết và dự toán theo Điều 29 Nghị định số 73/2019/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 21 Điều 1 Nghị định số 82/2024/NĐ-CP):

- Chủ đầu tư tổ chức thẩm định và được phép thuê tổ chức, cá nhân có năng lực, kinh nghiệm thực hiện thẩm tra thiết kế chi tiết và dự toán để làm cơ sở thẩm định đối với các phần việc mà mình thực hiện, trừ trường hợp dự án thực hiện lập Báo cáo kinh tế - kỹ thuật (dự án 01 bước).

- Chủ đầu tư phê duyệt thiết kế chi tiết và dự toán, việc phê duyệt thiết kế chi tiết và dự toán được thực hiện đồng thời, không tách riêng thiết kế chi tiết với dự toán.

Chương III

HOẠT ĐỘNG ỨNG DỤNG CNTT SỬ DỤNG KINH PHÍ CHI THƯỜNG XUYÊN

Điều 6. Trình tự triển khai hoạt động ứng dụng CNTT sử dụng kinh phí chi thường xuyên

1. Xây dựng kế hoạch hằng năm

Căn cứ Nghị quyết của HĐND tỉnh, HĐND cấp huyện, Kế hoạch của UBND tỉnh, UBND cấp huyện về chuyển đổi số, ứng dụng CNTT, xây dựng chính quyền số của địa phương; chỉ đạo của Bộ, ngành cấp trên về ứng dụng CNTT trong lĩnh vực chuyên ngành; thực trạng ứng dụng CNTT của ngành, địa phương; các cơ quan, đơn vị đề xuất nhiệm vụ chuyển đổi số gửi cơ quan chuyên môn về CNTT (Sở Thông tin và Truyền thông đối với cấp tỉnh, Phòng Văn hóa Thông tin đối với cấp huyện) trước 01/10 hằng năm để xem xét, tổng hợp, phối hợp với cơ quan quản lý về tài chính, ngân sách cân đối khả năng bố trí ngân sách, trình cấp có thẩm quyền xem xét, phê duyệt danh mục nhiệm vụ Chuyển đổi số hằng năm trước 31/10 hằng năm.

Nội dung đề xuất gồm: xác định mục tiêu, sự cần thiết, các thông tin chung (căn cứ pháp lý; tên của hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin; đơn vị chủ trì (đơn vị quản lý, sử dụng ngân sách để thực hiện), địa điểm, thời gian thực hiện; dự kiến kinh phí, phân kỳ kinh phí thực hiện; quy mô, nội dung chính triển khai; hình thức thực hiện là mua sắm hoặc thuê dịch vụ; dự kiến hiệu quả đạt được; đơn vị quản lý sử dụng, đơn vị vận hành hệ thống). Đối với các nhiệm vụ phát sinh đột xuất theo chỉ đạo của cấp trên, Trung ương, các cơ quan, đơn vị đề xuất nhiệm vụ chuyển đổi số gửi cơ quan chuyên môn về CNTT để báo cáo UBND tỉnh, UBND cấp huyện thống nhất chủ trương, giao nhiệm vụ.

2. Lập dự án đầu tư ứng dụng CNTT/dự toán/kế hoạch thuê theo quy định tại Điều 7, Điều 8, Điều 9 Quy định này (*sau đây gọi chung là dự án*).

3. Thẩm định, phê duyệt Báo cáo kinh tế kỹ thuật/dự toán/kế hoạch thuê theo quy định tại Điều 8, Điều 9 Quy định này.

4. Lập dự toán, phân bổ dự toán kinh phí theo quy định tại Điều 10 Quy định này.

5. Lập, thẩm định và phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu theo quy định.

6. Tổ chức lựa chọn nhà thầu.

7. Tổ chức thực hiện; nghiệm thu bàn giao đưa vào sử dụng.

8. Quyết toán kinh phí theo quy định.

9. Tổ chức triển khai sử dụng, vận hành hệ thống và báo cáo kết quả triển khai về Sở Thông tin và Truyền thông theo quy định tại Điều 10 Quy định này.

Điều 7. Lập dự án đầu tư ứng dụng CNTT

Đối với các hoạt động đầu tư hệ thống thông tin, phần cứng, phần mềm, cơ sở dữ liệu quy định tại khoản 24 Điều 3 Nghị định số 82/2024/NĐ-CP sử dụng nguồn kinh phí chi thường xuyên (*sau đây gọi là dự án*), sau khi được phân bổ dự toán theo quy định, thực hiện theo quy định tại Điều 51a Nghị định số 82/2024/NĐ-CP; cụ thể như sau:

- Xác định các bước thiết kế: thực hiện theo quy định tại Điều 4 Quy định này.

- Trường hợp thiết kế 01 bước: thực hiện lập Báo cáo kinh tế kỹ thuật theo quy định tại Điều 22 Nghị định số 73/2019/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 17 Điều 1 Nghị định số 82/2024/NĐ-CP). Trường hợp thiết kế 02 bước, lập báo cáo nghiên cứu khả thi dự án theo quy định tại Điều 16 Nghị định số 73/2019/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 11 Điều 1 Nghị định số 82/2024/NĐ-CP).

- Cơ quan, đơn vị tự lập hoặc thuê đơn vị tư vấn lập hồ sơ dự án, gửi lấy ý kiến các đơn vị liên quan (nếu cần thiết) và hoàn thiện hồ sơ theo quy định.

- Chi phí tư vấn lập dự án (bao gồm chi phí khảo sát, thẩm định giá, thẩm tra... phục vụ công tác lập dự án nếu có) được tính trong tổng mức dự toán của hoạt động ứng dụng CNTT. Trường hợp cơ quan, đơn vị không tự lập dự án mà

phải thuê tư vấn, căn cứ chủ trương, nhiệm vụ UBND tỉnh giao, ngân sách nhà nước cấp bổ sung kinh phí để thuê tư vấn lập dự án trước khi trình cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định như một nhiệm vụ độc lập; chi phí này được tính trong tổng mức dự toán của hoạt động ứng dụng CNTT phê duyệt theo quy định với mức tối đa bằng dự toán cấp bổ sung và khi phân bổ dự toán thực hiện sẽ loại trừ chi phí này tương ứng. Trường hợp hoạt động ứng dụng CNTT không được cấp có thẩm quyền phê duyệt chi phí lập Báo cáo kinh tế kỹ thuật trong tổng mức dự toán, cơ quan, đơn vị sử dụng kinh phí giao tự chủ trong dự toán ngân sách nhà nước được giao hằng năm và các nguồn kinh phí hợp pháp khác để thực hiện và thanh toán, quyết toán đối với các chi phí lập dự án theo quy định đối với từng nguồn kinh phí.

- Về phương án cung cấp tài nguyên tính toán, lưu trữ để duy trì, sử dụng hệ thống: thuyết minh đề cương nêu rõ nhu cầu về tài nguyên, thống nhất với đơn vị quản lý, vận hành Trung tâm dữ liệu của tỉnh về khả năng cấp tài nguyên phục vụ triển khai hệ thống.

- Nội dung thuyết minh dự án phải có đề xuất cấp độ an toàn thông tin của hệ thống, thuyết minh yêu cầu của phương án bảo đảm an toàn thông tin theo cấp độ được đề xuất theo quy định tại Thông tư số 12/2022/TT-BTTTT, đảm bảo tỷ lệ chi phí cho an toàn thông tin trong tổng mức đầu tư thực hiện nhiệm vụ theo quy định.

Điều 8. Thẩm định, phê duyệt dự án hoạt động đầu tư hệ thống thông tin, phần cứng, phần mềm, cơ sở dữ liệu sử dụng nguồn kinh phí chi thường xuyên

1. Phê duyệt dự án

Thẩm quyền phê duyệt Báo cáo kinh tế kỹ thuật thực hiện theo thẩm quyền quyết định mua sắm tài sản quy định tại Điều 3 Nghị quyết số 30/2024/NQ-HĐND ngày 06/12/2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh.

2. Thẩm quyền, trình tự thẩm định dự án

a) Trình tự thẩm định, phê duyệt dự án thực hiện theo quy định tại khoản 29 Điều 1 Nghị định số 82/2024/NĐ-CP (bổ sung Điều 51a vào sau Điều 51).

b) Thẩm quyền thẩm định dự án, thẩm định thiết kế cơ sở

- Cấp có thẩm quyền quyết định đầu tư thành lập Hội đồng thẩm định hoặc giao cơ quan, đơn vị chuyên môn quản lý về tài chính, ngân sách nhà nước thuộc cấp có thẩm quyền tổ chức thẩm định dự án (gọi chung là đầu mối tổ chức thẩm định);

- Thẩm quyền thẩm định thiết kế cơ sở, thiết kế chi tiết (trường hợp thực hiện theo hình thức báo cáo kinh tế - kỹ thuật) là cơ quan, đơn vị/bộ phận chuyên môn về CNTT trực thuộc cấp có thẩm quyền phê duyệt dự án (nếu có) hoặc cơ quan có thẩm quyền phê duyệt dự án thành lập Hội đồng thẩm định thiết kế cơ sở, thiết kế chi tiết (gọi chung là đầu mối thẩm định thiết kế cơ sở, thiết kế chi tiết).

c) Trình tự thẩm định dự án

- Đầu mối tổ chức thẩm định dự án có trách nhiệm:

+ Gửi hồ sơ thiết kế cơ sở, hồ sơ thiết kế chi tiết dự án thực hiện theo hình thức báo cáo kinh tế - kỹ thuật lấy ý kiến thẩm định thiết kế cơ sở, thiết kế chi tiết của đầu mối thẩm định thiết kế cơ sở, thiết kế chi tiết.

+ Lấy ý kiến các cơ quan, đơn vị liên quan để thẩm định dự án (nếu cần thiết).

+ Trường hợp cần thiết, đơn vị lấy ý kiến của cơ quan tài chính gồm: Sở Tài chính (đối với khối tỉnh), Phòng Tài chính - Kế hoạch (đối với khối huyện) về dự toán đối với nội dung về áp dụng tiêu chuẩn, định mức và các chế độ, chính sách khác theo quy định của Bộ Tài chính thuộc chuyên môn của cơ quan tài chính.

- Đầu mối thẩm định thiết kế cơ sở, thiết kế chi tiết có trách nhiệm:

+ Gửi hồ sơ lấy ý kiến của Sở Thông tin và Truyền thông về phương án kỹ thuật, công nghệ.

+ Tổ chức thẩm định thiết kế cơ sở, thiết kế chi tiết.

+ Báo cáo kết quả thẩm định thiết kế cơ sở, thiết kế chi tiết về đơn vị đầu mối tổ chức thẩm định.

- Trên cơ sở Báo cáo kết quả thẩm định thiết kế cơ sở, thiết kế chi tiết và các đơn vị liên quan, đơn vị đầu mối thẩm định tổng hợp kết quả thẩm định trình phê duyệt theo thẩm quyền phê duyệt theo quy định.

3. Đối với các trường hợp hoạt động đầu tư ứng dụng CNTT sử dụng nguồn kinh phí chi thường xuyên còn lại theo quy định tại khoản 1 Điều 51 Nghị định số 73/2019/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 28 Điều 1 Nghị định số 82/2024/NĐ-CP) thực hiện mua sắm và sử dụng kinh phí theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước, pháp luật về đấu thầu, pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công và các quy định của pháp luật có liên quan. Trong đó, trình tự, thủ tục lập dự toán, phân bổ dự toán, quyết toán kinh phí thực hiện theo quy định tại Nghị định số 138/2024/NĐ-CP ngày 24/10/2024 của Chính phủ và Nghị quyết số 31/2024/NQ-HĐND ngày 06/12/2024 của HĐND tỉnh.

Điều 9. Hoạt động thuê dịch vụ CNTT sử dụng kinh phí chi thường xuyên nguồn vốn ngân sách nhà nước

1. Đối với hoạt động thuê dịch vụ CNTT sẵn có trên thị trường thực hiện theo quy định tại Điều 52 Nghị định số 73/2019/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 30 Điều 1 Nghị định số 82/2024/NĐ-CP).

2. Đối với hoạt động thuê dịch vụ CNTT không sẵn có trên thị trường (*theo yêu cầu riêng*):

- Trình tự thực hiện được quy định cụ thể tại Điều 53, 54, 55, 56, 57, 58, Nghị định số 73/2019/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 31, 32, 33, 34, 35 Điều 1 Nghị định số 82/2024/NĐ-CP) và Thông tư số 16/2024/TT-BTTTT ngày 30/12/2024, Thông tư số 18/2024/TT-BTTTT ngày 30/12/2024 của Bộ Thông tin và Truyền thông.

- Thẩm quyền phê duyệt kế hoạch thuê thực hiện theo thẩm quyền quyết định mua sắm tài sản quy định tại Điều 1 Nghị quyết số 02/2024/NQ-HĐND ngày 23/01/2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh.

- Thẩm định kế hoạch thuê:

+ Cấp có thẩm quyền phê duyệt kế hoạch thuê phân công đơn vị chuyên môn trực thuộc tiến hành thẩm định kế hoạch thuê trước khi phê duyệt (sau đây gọi là đơn vị đầu mối thẩm định).

+ Đơn vị đầu mối thẩm định có trách nhiệm lấy ý kiến hoặc trình cấp có thẩm quyền phê duyệt kế hoạch thuê lấy ý kiến của Sở thông tin và Truyền thông về sự phù hợp của nội dung quy định tại điểm c khoản 2 Điều 54 Nghị định số 73/2019/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 32 Điều 1 Nghị định số 82/2024/NĐ-CP). Trường hợp Sở thông tin và Truyền thông là đơn vị sử dụng ngân sách, Sở Thông tin và Truyền thông tổ chức thành lập Hội đồng thẩm định theo quy định.

+ Trường hợp cần thiết, người có thẩm quyền phê duyệt kế hoạch thuê yêu cầu đơn vị sử dụng ngân sách được giao nhiệm vụ thuê dịch vụ lựa chọn tổ chức, cá nhân có năng lực, kinh nghiệm để thẩm tra một phần hoặc toàn bộ nội dung quy định tại khoản 3 Điều 56 Nghị định số 73/2019/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 34 Điều 1 Nghị định số 82/2024/NĐ-CP). Kinh phí thuê tư vấn thẩm tra được ngân sách nhà nước cấp bổ sung theo quy định như một nhiệm vụ độc lập.

- Về dự toán thuê dịch vụ CNTT không có sẵn trên thị trường thực hiện theo quy định tại Điều 55 Nghị định số 73/2019/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 17 Điều 1 Nghị định số 82/2024/NĐ-CP). Riêng đối với chi phí thuê dịch vụ xác định chi phí thuê theo phương pháp tính chi phí, được quy định tại Thông tư số 18/2024/TT-BTTTT ngày 30/12/2024 của Bộ Thông tin và Truyền thông.

3. Nội dung Kế hoạch thuê phải có đề xuất cấp độ an toàn thông tin của hệ thống, thuyết minh yêu cầu của phương án bảo đảm an toàn thông tin theo cấp độ được đề xuất theo quy định tại Thông tư 12/2022/TT-BTTTT.

4. Thông tin, dữ liệu hình thành trong quá trình thuê dịch vụ CNTT thuộc sở hữu của cơ quan, đơn vị thuê: Đơn vị cung cấp dịch vụ có trách nhiệm bảo đảm an ninh, an toàn thông tin, chuyển giao đầy đủ cho cơ quan, đơn vị thuê các thông tin, dữ liệu khi kết thúc hợp đồng thuê dịch vụ công nghệ thông tin.

Điều 10. Lập dự toán, phân bổ, sử dụng và quyết toán kinh phí

Việc lập dự toán, phân bổ, sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước thực hiện hoạt động ứng dụng CNTT sử dụng kinh phí chi thường xuyên thực hiện theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn Luật bảo đảm tiết kiệm, hiệu quả. Quy định này hướng dẫn bổ sung một số nội dung sau:

1. Hằng năm vào thời điểm lập dự toán ngân sách năm sau, căn cứ hướng

dẫn xây dựng dự toán ngân sách nhà nước của cấp có thẩm quyền; căn cứ quyết định phê duyệt Báo cáo kinh tế kỹ thuật, cơ quan, đơn vị lập dự toán kinh phí tổng hợp chung vào dự toán của cơ quan, đơn vị mình; gửi cơ quan quản lý cấp trên xem xét, tổng hợp chung vào dự toán của đơn vị dự toán cấp I, kèm theo các hồ sơ tài liệu, gửi cơ quan tài chính cùng cấp để xem xét trình cấp có thẩm quyền theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước quyết định phân bổ dự toán theo quy định.

2. Việc phân bổ, chấp hành dự toán thực hiện theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước, các văn bản hướng dẫn Luật Ngân sách nhà nước. Trong đó, việc lập, trình, thẩm định và phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu thực hiện theo đúng các quy định hiện hành.

3. Về quyết toán kinh phí

Các cơ quan, đơn vị tổng hợp quyết toán chung trong báo cáo quyết toán hằng năm theo quy định tại Thông tư số 24/2024/TT-BTC ngày 17/4/2024 của Bộ Tài chính về hướng dẫn chế độ kế toán hành chính, sự nghiệp; Thông tư số 137/2017/TT-BTC ngày 25/12/2017 của Bộ Tài chính quy định xét duyệt, thẩm định, thông báo và tổng hợp quyết toán năm, các văn bản liên quan và các văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế (nếu có).

Chương IV

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 11. Báo cáo, theo dõi quản lý kết quả sản phẩm hoạt động ứng dụng CNTT

Sau khi nghiệm thu, bàn giao sản phẩm hoặc hạng mục công việc của hoạt động ứng dụng CNTT, chủ đầu tư gửi Sở Thông tin và Truyền thông báo cáo hoàn thành cùng danh mục hồ sơ hoàn thành sản phẩm hoặc hạng mục công việc để theo dõi, kiểm tra sản phẩm theo quy định tại khoản 3 Điều 35 Nghị định số 73/2019/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 24 Điều 1 Nghị định số 82/2024/NĐ-CP). Hồ sơ gửi Sở Thông tin và Truyền thông gồm:

- Quyết định phê duyệt dự án, quyết định phê duyệt thiết kế chi tiết và dự toán (*đối với thiết kế 2 bước*); hồ sơ dự án, hồ sơ thiết kế chi tiết và dự toán; hồ sơ điều chỉnh dự án, thiết kế (*nếu có*);

- Báo cáo kết quả kiểm thử hoặc vận hành chạy thử.

- Đặc tả cơ sở dữ liệu phục vụ kết nối, chia sẻ dữ liệu.

- Tài liệu hướng dẫn sử dụng, quản trị, vận hành, bảo trì (*nếu có*) đối với sản phẩm hoặc hạng mục công việc đã hoàn thành; tài liệu kỹ thuật phục vụ kết nối, chia sẻ dữ liệu theo quy định.

Điều 12. Trách nhiệm của thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh, Chủ tịch UBND cấp huyện, cấp xã và các cơ quan liên quan

1. Chỉ đạo, tổ chức thực hiện việc lập, thẩm định, phê duyệt dự án, hoạt

động ứng dụng CNTT sử dụng vốn ngân sách nhà nước thuộc phạm vi quản lý theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước và theo Quy định này.

2. Sở Thông tin và Truyền thông (cơ quan chuyên môn về công nghệ thông tin trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh) chịu trách nhiệm kiểm tra việc tuân thủ quy định tại Nghị định 73/2019/NĐ-CP (sửa đổi bởi Nghị định số 82/2024/NĐ-CP), các quy định của pháp luật liên quan đến đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh, báo cáo UBND tỉnh xem xét, chỉ đạo.

3. Trong quá trình thực hiện có phát sinh, vướng mắc thì báo cáo bằng văn bản về Sở Thông tin và Truyền thông để tổng hợp, trình UBND tỉnh xem xét, quyết định./.